

Bài 2: Matching

- | | | | | |
|---------------|----------|--------------|-----------|-----------|
| 1. Red | 2. apple | 3. ice cream | 4. purple | 5. carrot |
| 6. Soft drink | | 7. run | 8. tree | 9. blue |
| | | | | 10. chair |

- | | | | | |
|---------|------------|------------|---------------------|--------------------|
| a. chạy | b. cây | c. màu tím | d. màu xanh da trời | e. kem |
| f. ghế | g. quả táo | h. màu đỏ | i. cà rốt | j. nước uống có ga |

1.....2.....3.....4.....5.....6.....7.....8.....9.....10.....

Task 3. Read and complete. There is one example.

Hi	name's	Linda	How	What's	Nice
----	--------	-------	-----	--------	------

Linda: (0) Hi, I'm Linda. (1) _____ your name?

Mai: Hello, my (2) _____ Mai. Nice to meet you, (3) _____.

Linda: (4) _____ to meet you, too.

Mai: (5) _____ do you spell your name?

Linda: L-I-N-D-A.

Question 5: Reorder the words to make a meaningful sentences .

1. friend./ This/ my/ is/ new

-

2. thank/ I/ you./ am/ fine/ ,

-

3. that/ Nam/ Is/ ?

-

4. Peter/ are/ They/ Linda/ and

-